

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN  
HỌC KỲ ....., NĂM HỌC 20..... – 20.....**

Họ và tên sinh viên: .....Số điện thoại: .....

Mã sinh viên: .....Lớp: .....Khoa: .....

| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ   |   | Thang điểm | Điểm do SV tự đánh giá | Điểm BCS lớp đánh giá |
|---|---|------------|------------------------|-----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Đánh giá về ý thức tham gia học tập của sinh viên.</b>   |            |                        |                       |
| I.1   | Ý thức và thái độ trong học tập: Đi học đầy đủ, đúng giờ, đúng kế hoạch của trường; có thái độ tích cực trong giờ học, có ý thức xây dựng bài học.  | <b>5</b>   |                        |                       |
| I.2   | Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi: Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra; quy định, điều lệ các cuộc thi, hội thi, kỳ thi Olympic.   | <b>3</b>   |                        |                       |
| I.3   | Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, có tinh thần giúp đỡ bạn cùng học tập tốt.   | <b>2</b>   |                        |                       |
| I.4   | Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học ( <b>tối đa không quá: 3 điểm - chỉ chọn 1 trong 3 tiêu chí dưới đây</b> ):  |            |                        |                       |
| <i>a</i>  | <i>Tham gia các hoạt động trên ở cấp Trường trở lên.</i>  | <i>3</i>   |                        |                       |
| <i>b</i>  | <i>Tham gia các hoạt động trên ở cấp Khoa.</i>  | <i>2</i>   |                        |                       |
| <i>c</i>  | <i>Tham gia các hoạt động trên ở cấp Lớp.</i>   | <i>1</i>   |                        |                       |
| I.5   | Điểm trung bình chung tích lũy ( <b>tối đa không quá: 7 điểm – đạt 1 trong các tiêu chí dưới đây</b> ):   |            |                        |                       |
| <i>a</i>  | <i>Điểm trung bình chung tích lũy đạt loại Xuất sắc.</i>  | <i>7</i>   |                        |                       |
| <i>b</i>  | <i>Điểm trung bình chung tích lũy đạt loại Giỏi.</i>  | <i>5</i>   |                        |                       |
| <i>c</i>  | <i>Điểm trung bình chung tích lũy đạt loại Khá.</i>   | <i>3</i>   |                        |                       |
| <i>d</i>  | <i>Điểm trung bình chung tích lũy đạt loại Trung bình.</i>  | <i>1</i>   |                        |                       |
| <b>Cộng mục I = I.1+I.2+I.3+I.4+I.5 (tối đa không quá: 20 điểm)</b> |   | <b>20</b>  |                        |                       |
| <b>II</b>   | <b>Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học.</b>  |            |                        |                       |
| II.1  | Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong cơ sở giáo dục đại học ( <b>tối đa không quá: 15 điểm</b> ).  |            |                        |                       |
| <i>a</i>  | <i>Chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Huế và Nhà trường; của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên ... Nếu vi phạm: 0 điểm.</i> | <i>5</i>   |                        |                       |

|  |  |           |  |  |
|--|--|-----------|--|--|
| b  | Chấp hành đúng quy chế nội, ngoại trú ... Nếu vi phạm: 0 điểm.   | 5         |  |  |
| c  | Tham gia đóng bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn ... Nếu vi phạm: 0 điểm.   | 5         |  |  |
| II.2   | Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong cơ sở giáo dục đại học ( <b>tối đa không quá: 10 điểm</b> ).   |           |  |  |
| a  | Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy thư viện, nội quy phòng thực hành, thực tập, phòng học, hội trường... Nếu vi phạm: 0 điểm.  | 5         |  |  |
| b  | Mang bảng tên, trang phục đúng quy định (nếu có); có ý thức bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự trường học, tiết kiệm điện, nước, giữ gìn vệ sinh môi trường... Nếu vi phạm: 0 điểm.   | 5         |  |  |
| Cộng mục II = II.1+II.2 (tối đa không quá: 25 điểm)          |  | <b>25</b> |  |  |
| <b>III</b>   | <b>Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.</b>   |           |  |  |
| III.1  | Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, hiến máu tình nguyện, công tác xã hội.  | <b>5</b>  |  |  |
| III.2  | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.  | <b>5</b>  |  |  |
| III.3  | Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ( <b>tối đa không quá: 10 điểm</b> ).   |           |  |  |
| a  | Tham gia đầy đủ và viết bài thu hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đạt yêu cầu.  | <b>5</b>  |  |  |
| b  | Tham gia các buổi mít tinh, các lễ hội, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ( <b>tối đa không quá: 5 điểm – chỉ chọn 1 trong 3 tiêu chí dưới đây</b> ):   |           |  |  |
|  | + Tham gia các hoạt động hoặc Ban tổ chức cấp trường trở lên.  | 5         |  |  |
|  | + Tham gia các hoạt động hoặc Ban tổ chức cấp khoa, lớp.   | 3         |  |  |
|  | + Tham gia cổ vũ các hoạt động hoặc hỗ trợ Ban tổ chức.  | 2         |  |  |
| Cộng mục III = III.1+III.2+III.3 (tối đa không quá: 20 điểm) |  | <b>20</b> |  |  |
| <b>IV</b>  | <b>Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.</b>  |           |  |  |
| IV.1   | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người khó khăn, hoạn nạn; tích cực tham gia các hoạt động giúp đỡ trẻ em mồ côi, trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam, hội người mù, người già neo đơn, người bị tai nạn, bị thiên tai và những sự cố bất thường... | <b>5</b>  |  |  |
| IV.2   | Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng ( <b>tối đa không quá: 15 điểm</b> ).  |           |  |  |
| a  | Có ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Nếu vi phạm: 0 điểm.   | 8         |  |  |
| b  | Đóng học phí, đoàn phí, hội phí, quỹ lớp (nếu có) đầy đủ, đúng quy định... Nếu vi phạm: 0 điểm.  | 7         |  |  |
| IV.3   | Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng ( <b>tối đa không quá: 5 điểm</b> ).   |           |  |  |
| a  | Tham gia đội tự quân ở KTX; tham gia các hoạt động tại địa phương, nơi cư trú như: Làm vệ sinh, tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giữ gìn an ninh trật tự...  | 3         |  |  |

|  |  |            |  |  |
|--|--|------------|--|--|
| b  | Tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ, các hoạt động từ thiện, giúp đỡ người nghèo, đồng bào khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới.  | 2          |  |  |
| Cộng mục IV = IV.1+IV.2+IV.3 (tối đa không quá: 25 điểm) |  | <b>25</b>  |  |  |
| <b>V</b>   | <b>Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong cơ sở giáo dục đại học hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.</b>  |            |  |  |
| V.1  | Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học: Là cán bộ đoàn, hội, lớp, câu lạc bộ, đội, nhóm, luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; là sinh viên xuất sắc, đoàn viên xuất sắc, cảm tình đảng, đảng viên xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ. | <b>2</b>   |  |  |
| V.2  | Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học: Là sinh viên tích cực tham gia và có sáng kiến, giải pháp, sáng tạo, đóng góp được tập thể ghi nhận, biểu dương.   | <b>2</b>   |  |  |
| V.3  | Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: Các giải thưởng qua các cuộc thi, hội thi, các kỳ Olympic, các cuộc triển lãm... được khen thưởng cấp trường hoặc tương đương trở lên.  | <b>3</b>   |  |  |
| V.4  | Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học ( <b>tối đa không quá: 3 điểm – chỉ chọn 1 trong 2 tiêu chí dưới đây</b> ):  |            |  |  |
| a  | Là Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng, Lớp trưởng; là ủy viên BCH Đoàn TN, Hội SV, chủ nhiệm các câu lạc bộ, đội, nhóm từ cấp khoa trở lên gương mẫu, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.   | 3          |  |  |
| b  | Là Phó bí thư, ủy viên BCH Chi đoàn, Chi hội phó, Lớp phó, nhóm trưởng nhóm học phần, thành viên câu lạc bộ, đội, nhóm, luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp cho tập thể lớp, chi đoàn, chi hội, câu lạc bộ, đội, nhóm.   | 2          |  |  |
| Cộng mục V = V.1+V.2+V.3+V.4 (tối đa không quá: 10 điểm) |  | <b>10</b>  |  |  |
| <b>TỔNG ĐIỂM RÈN LUYỆN (cộng mục I+II+III+IV+V)</b>      |  | <b>100</b> |  |  |

**Ghi chú:**

- **Xếp loại rèn luyện:** **Xuất sắc:** Từ 90 điểm đến 100 điểm. **Tốt:** Từ 80 điểm đến 89 điểm; **Khá:** Từ 65 đến 79 điểm; **Trung bình:** Từ 50 điểm đến 64 điểm; **Yếu:** Từ 35 điểm đến 49 điểm; **Kém:** Dưới 35 điểm.
- **Vi phạm pháp luật** (luật giao thông, dân sự, gây rối trật tự bị các cơ quan chức năng xử lý từ mức Cảnh cáo trở xuống): Hạ 01 bậc xếp loại rèn luyện.
- **Vi phạm quy chế thi** (Cảnh cáo hoặc Đình chỉ thi) hoặc vi phạm các quy định khác bị xử lý kỷ luật từ Cảnh cáo trở lên: Hạ 02 bậc xếp loại rèn luyện và xếp loại rèn luyện không được quá mức Trung bình.
- **Không tham gia hoặc không nộp bài “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV”:** Xếp hạnh kiểm loại Kém.

**A. CÁ NHÂN TỰ XẾP LOẠI:.....**

Ngày tháng năm 20...

(ký, ghi rõ họ tên)

**B. XẾP LOẠI CỦA TẬP THỂ LỚP:.....**

Ngày tháng năm 20...

Lớp trưởng (ký, ghi rõ họ tên)

